

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỘI AN**
Bản án số: 121/2022/HNGĐ-ST
Ngày 19 - 9 - 2022
V/v "Tranh chấp ly hôn".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỘI AN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhạn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Quý Vĩnh.
2. Ông Trương Văn Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hội An tham gia phiên tòa: bà Phùng Thị Bông - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hội An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2022/TL.ST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28.7.2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST- HNGĐ ngày 25.8.2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Bích T1, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: khối A, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. “*Có mặt*”.

Bị đơn: Ông Hồ T2, sinh năm 1975.

Địa chỉ: khối A, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. “*Vắng mặt*”.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 22.02.2022, bản trình bày ngày 11 tháng 5 năm 2022 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Bích T1 trình bày:

Bà và ông Hồ T2 quen biết, tìm hiểu nhau và đi đến kết hôn vào năm 2008, đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố H, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Cuộc sống chung của vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn từ năm 2020 nguyên nhân là do cả hai bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Bà đề nghị Tòa giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hồ T2 vì cả hai không còn tình cảm với nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung :

1. Hồ Lê C, sinh ngày 27/7/1998.
2. Hồ Lê K, sinh ngày 11/4/2001.
3. Hồ Lê Q, sinh ngày 05/3/2007.
4. Hồ Lê Phương T3, sinh ngày 22/11/2021.

Các con Hồ Lê C; Hồ Lê K đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa giải quyết. Bà trực tiếp nuôi các con Hồ Lê Q và Hồ Lê Phương T3 sau ly hôn không yêu cầu ông Hồ T2 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có tài sản chung.

Bị đơn ông Hồ T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Bị đơn ông Hồ T2 chấp hành pháp luật không nghiêm, ông T2 đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, do đó đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông T2. Về nội dung vụ án, nhận thấy việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, tuyên chấp nhận đơn khởi kiện của bà T1; Về con chung giao cháu Hồ Lê Q và Hồ Lê Phương T cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng, ông T2 không cấp dưỡng nuôi con. Đương sự phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: bà Lê Thị Bích T1 khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Hồ T2 có nơi cư trú tại phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, tham gia phiên tòa cho ông Hồ T2 nhưng ông T2 đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: bà Lê Thị Bích T1 và ông Hồ T2 kết hôn vào năm 2008 trên tinh thần tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố H nên hôn nhân của họ là hợp pháp. Quá trình chung sống đến năm 2020 vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không

hợp, luôn cãi vả nhau. Hiện tại vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T2 cố tình trốn tránh không tham gia các phiên hòa giải. Như vậy cuộc sống chung của bà T1, ông T2 không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: bà T1 và ông T2 có 04 con chung tên Hồ Lê C; Hồ Lê K; Hồ Lê Q và Hồ Lê Phương T3. Các con Hồ Lê C; Hồ Lê K đã trưởng thành có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không đề cập đến. Bà T1 có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Hồ Lê Q; Hồ Lê Phương T3 và không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét thấy hiện tại cháu Q; T3 đều có nguyện vọng ở với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn, bà T1 cũng có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng các con nên giao bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng, ông T2 không cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của bà T1 nên cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: nguyên đơn khai không có tài sản chung và bị đơn không trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Lê Thị Bích T1 phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 3 Điều 157; Điều 165 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Bích T1.

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Lê Thị Bích T1 được ly hôn ông Hồ T2.

2. Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung :

- Hồ Lê C, sinh ngày 27/7/1998 và Hồ Lê K, sinh ngày 11/4/2001 đã trưởng thành.

Giao cháu Hồ Lê Q, sinh ngày 05/3/2007 và Hồ Lê Phương T3, sinh ngày 22/11/2021 cho bà Lê Thị Bích T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông Hồ T2 không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Hồ T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn khai không có.

4. Về án phí: bà Lê Thị Bích T1 phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đồng theo biên lai số

0007148 ngày 14/4/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Bà T1 đã nộp đủ án phí.

Bà Lê Thị Bích T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/9/2022). Ông Hồ T2 có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND Tp. Hội An;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Tp. Hội An;
- UBND phường Cẩm Châu,
Tp. Hội An.
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Nhạn